|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /BC-BTC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết việc thi hành Luật Đầu tư**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14. Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15. Kết quả như sau:

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**

**1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các chính sách**

***1.1. Bối cảnh quốc tế***

Giai đoạn 2020 - 2025 được xem là khoảng thời gian khó khăn và thách thức lớn nhất từ trước đến nay khi mà tất cả các quốc gia trên thế giới phải đối mặt, đó là: xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn và sự bùng phát, lây lan trên diện rộng của dịch Covid-19. Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, khó dự đoán, đặc biệt là sự gia tăng bất ổn về địa chính trị và xung đột quân sự lan rộng ở nhiều quốc gia; căng thẳng thuế quan giữa Hoa Kỳ và các nước làm gián đoạn chuỗi cung ứng, nguy cơ chiến tranh thương mại đã tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, thiên tai, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng; thách thức đối với đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng… ngày càng gia tăng. Lạm phát vẫn ở mức cao so với mục tiêu của các Ngân hàng Trung ương, điều kiện thị trường tài chính thắt chặt hơn, tăng trưởng kinh tế toàn cầu có xu hướng suy giảm.

Theo Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội Quý II và 06 tháng đầu năm 2025 được Cục Thống kê (Bộ Tài chính) công bố ngày 05/7/2025, sáu tháng đầu năm 2025 chứng kiến một bức tranh kinh tế toàn cầu phức tạp và khó lường. Căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự lan rộng, cùng với những chính sách khó đoán từ các nền kinh tế lớn đã tạo ra sự bất ổn sâu sắc. Nguy cơ chiến tranh thương mại và sự gián đoạn chuỗi cung ứng đã tác động tiêu cực đến tăng trưởng toàn cầu…

Trước tình hình đó, hàng loạt tổ chức quốc tế đã phải điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025. Ngân hàng Thế giới (WB) và Liên hợp quốc (UN) lần lượt dự báo mức tăng 2,3% và 2,4%, giảm 0,4 điểm phần trăm so với đầu năm. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo mức tăng 2,9%, giảm 0,2 điểm phần trăm. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đưa ra dự báo 2,8%, giảm 0,5 điểm phần trăm.

Trong khu vực, xu hướng tăng trưởng chậm lại cũng được ghi nhận ở nhiều quốc gia. Cả WB, IMF và OECD đều dự báo tăng trưởng năm 2025 của các nước như Philippines, Indonesia, Thái Lan và Malaysia đều thấp hơn so với năm 2024.

IMF dự báo khối lượng thương mại toàn cầu về hàng hóa và dịch vụ chỉ tăng 1,7% trong năm 2025, điều chỉnh giảm 1,5 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 01/2025, giảm hơn một nửa so với mức 3,8% của năm 2024.

Theo các tổ chức quốc tế, nguyên nhân chính khiến triển vọng thương mại toàn cầu xấu đi là sự gia tăng các rào cản thương mại, đặc biệt là thuế quan, cùng với bất ổn chính sách lan rộng và gia tăng. IMF nhận định các biện pháp thuế quan mới của Hoa Kỳ và các biện pháp đối phó của các đối tác thương mại đã khiến thuế quan toàn cầu đạt mức cao nhất trong một thế kỷ.

Căng thẳng thương mại gia tăng và bất ổn chính sách đang có tác động tiêu cực sâu sắc đến đầu tư, niềm tin kinh doanh và niềm tin tiêu dùng. UN nhận định xung đột thương mại toàn cầu sẽ tạo sức ép lớn lên đầu tư trên toàn thế giới, làm suy yếu nhu cầu toàn cầu, tăng chi phí kinh doanh và làm gia tăng bất ổn chính sách. Nhiều công ty đang áp dụng cách tiếp cận “chờ đợi và xem xét”, trì hoãn hoặc cắt giảm chi đầu tư. Do đó, căng thẳng địa chính trị và thuế quan tăng đang định hình lại các mô hình đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) toàn cầu.

***1.2. Bối cảnh trong nước***

Đối mặt với khó khăn từ bên ngoài, Việt Nam đã thể hiện quyết tâm chính trị cao độ, tập trung khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển. Hàng loạt cải cách lớn về tổ chức bộ máy Chính phủ, sắp xếp đơn vị hành chính, hoàn thiện thể chế pháp luật, phân cấp phân quyền đã được triển khai quyết liệt.

Nhờ sự chỉ đạo sát sao và nỗ lực của cả hệ thống chính trị, kinh tế - xã hội Việt Nam đã gặt hái những thành quả đáng khích lệ. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 2/2025 ước tăng 7,96% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung sáu tháng đầu năm 2025, GDP tăng 7,52%, mức tăng cao nhất của sáu tháng đầu năm trong suốt giai đoạn 14 năm qua (2011-2025).

Với mục tiêu đó, Đảng, Nhà nước và Chính phủ đã thể hiện sự quyết tâm trong việc đặt ra các nhiệm vụ hoàn thiện khung pháp lý, thúc đẩy phát triển hoạt động đầu tư kinh doanh trong bối cảnh mới thông qua hàng loạt Nghị quyết lớn của Trung ương về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế tư nhân… được thực thi mạnh mẽ như:

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030: “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước*”.

- Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đề ra nhiệm vụ: “*Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, trùng chéo, hoặc chưa đầy đủ, nhất là về đầu tư, kinh doanh, đất đai, quy hoạch, ngân sách, tài sản công, thuế… theo hướng vướng mắc ở cấp nào thì cấp đó chủ động tích cực sửa đổi, hoàn thiện;*”.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định mục tiêu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 trong đó lưu ý: “*chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo*”.

- Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã xác định mục tiêu hoàn thiện thể chế, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao, hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế…

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã chỉ đạo: “*Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định. ... Tạo cơ sở pháp lý để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực về vốn, đất đai, nhân lực chất lượng cao...”; “Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn.”.*

*Đồng thời, Nghị quyết đã đề ra mục tiêu: “Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những "điểm nghẽn" do quy định pháp luật. Năm 2027, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp. Năm 2028, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh, góp phần đưa môi trường đầu tư của Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN.”*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã thể hiện quan điểm: “*Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...”* và đặt ra các nhiệm vụ *“đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật …; giảm thiểu sự can thiệp và xoá bỏ các rào cản hành chính, cơ chế "xin - cho", tư duy "không quản được thì cấm". Người dân, doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những ngành nghề pháp luật không cấm. Quyền kinh doanh chỉ có thể bị hạn chế vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, môi trường và sức khoẻ của cộng đồng và phải được quy định trong luật.”; “Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp*.”.

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/1/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật đã nêu rõ: “*Bên cạnh một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tố tụng tư pháp cần cụ thể, về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Bảo đảm tính kịp thời của việc ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội*”; “*Phân định rõ thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy, luật chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội, không luật hóa các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản dưới luật; cơ bản không quy định thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ, các bộ quy định theo thẩm quyền nhưng không được đặt thêm thủ tục hành chính, phát sinh thêm giấy phép con so với hiện hành”.*

- Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên đã nêu: *“Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; đề cao phương pháp “quản lý theo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát”;* *“Tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số, trong đó, tập trung rà soát, sớm sửa đổi**[Luật Doanh nghiệp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Doanh-nghiep-so-59-2020-QH14-427301.aspx" \t "_blank),**[Luật Đầu tư](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Dau-tu-so-61-2020-QH14-321051.aspx" \t "_blank)…”*

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Trong đó, mục tiêu năm 2025 là *“Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ…”.*

- Tại Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/2/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 đã yêu cầu phải rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật.

Tại các văn bản chỉ đạo nêu trên đều khẳng định giải pháp về đẩy mạnh, hoàn thiện thể chế pháp luật là một trong những giải pháp chủ chốt, được coi là “*đột phá của đột phá*”, không chỉ là động lực, công cụ quan trọng để phát triển nhanh và bền vững của đất nước mà còn để củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý xã hội của Nhà nước trong *“kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*”.

Tuy vậy, theo số liệu tổng hợp trên hệ thống cơ sở dữ liệu của Ban Chỉ đạo 751 về giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng, có 2.365 dự án do Bộ, ngành địa phương báo cáo có khó khăn, vướng mắc gây lãng phí nguồn lực của Nhà nước, xã hội, nhân dân, doanh nghiệp.

Trong bối cảnh như vậy, cùng với quyết tâm của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong việc hoàn thiện khung pháp lý, thúc đẩy phát triển hoạt động đầu tư kinh doanh trong bối cảnh mới, việc sửa đổi toàn diện Luật Đầu tư, các văn bản hướng dẫn thi hành là cần thiết.

**2. Quá trình thực hiện tổng kết**

Bộ Tài chính đã thực hiện tổng kết thi hành Luật Đầu tư năm 2020 trên phạm vi toàn quốc, giai đoạn 2021 – 2025. Cụ thể như sau :

- Bộ Tài chính đã có văn bản số 6724/BTC-PC ngày 19/5/2025 đề nghị các Bộ, ngành, cơ quan, hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp phối hợp thực hiện việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

- Lấy ý kiến, tham vấn chính sách Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, bộ, Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội TMĐT Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thông qua các hình thức: Gửi văn bản lấy ý kiến (tại văn bản số 12198/BTC-PC ngày 08/8/2025 và…); đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định;

- Ngày / /2025, Bộ Tài chính thực hiện thu thập phiếu khảo sát, điều tra và yêu cầu các bộ, ngành, tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, hoạt động đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài báo cáo tình hình triển khai trên thực tế, đồng thời đề xuát các kiến nghị, phản ánh vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật về đầu tư kinh doanh.

- Trong năm 2025, Bộ Tài chính đã tổ chức 03 Hội nghị tham vấn chính sách và lấy ý kiến về dự án Luật ngày11/8/2025 tại Hà Nội, ngày 15/8/2025 tại Cần Thơ, ngày 28/8/2025 tại Khánh Hoà nhằm trao đổi, tiếp thu ý kiến trong quá trình thi hành Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức đoàn làm việc với nước ngoài để tham khảo kinh nghiệm trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật.

- Bên cạnh đó, việc tổng hợp kiến nghị liên quan đến Luật Đầu tư của các Bộ, ngành, địa phương được Bộ Tài chính thực hiện thông qua khuôn khổ các hoạt động sau:

+ Ban chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật do Tổng Bí thư Tô Lâm làm Trưởng ban theo Quyết định số 288-NQ/TW của Bộ Chính trị.

+ Ban chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo các Nghị quyết như Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quôcs hội và Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô; kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật tổ chức, chỉ đạo thực hiện (theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 12/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ)…

+ Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư tại các Bộ, ngành và địa phương theo Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Ban Chỉ đạo về giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng theo Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 11/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Đoàn công tác theo Quyết định số 435/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phân công Thành viên Chính phủ chủ trì đôn đốc làm việc với các địa phương về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu trên địa bàn.

+ Diễn đàn doanh nghiệp thường niên (VBF)…

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Việc tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

***1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thi hành Luật***

Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Mục tiêu của Luật này là nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn, trên cơ sở bảo đảm an ninh, quốc phòng, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường; tiếp tục bảo đảm thực hiện đầy đủ, nhất quán quyền tự do kinh doanh.

Ngay sau khi Luật Đầu tư năm 2020 được ban hành, Bộ Tài chính (trước là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã có các văn bản số 8909/BKHĐT-PC ngày 31/12/2020 và số 324/BKHĐT-PC ngày 20/01/2021 hướng dẫn các địa phương triển khai thi hành Luật Đầu tư trong thời gian chưa ban hành Nghị định, Thông tư.

Để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư năm 2020, Bộ Tài chính đã xây dựng và trình Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 06/10/2021 quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt; đồng thời, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư*.*...

Bên cạnh những kết quả tích cực, Luật Đầu tư đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần phải sửa đổi, bổ sung. Đồng thời, thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, Luật Đầu tư đã được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật về đầu tư, Chính phủ rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung những quy định của các luật về đầu tư kinh doanh (như Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Đấu giá tài sản, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp…) có mâu thuẫn, thiếu đồng bộ, đang gây vướng mắc, yêu cầu cấp bách phải sửa ngay, trong đó đã trình Quốc hội ban hành Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Doanh nghiệp*… để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc về thể chế nhằm khơi thông nguồn lực cho đầu tư phát triển, đẩy mạnh phân cấp quản lý, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp…

- Thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô và Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính về Phiên họp thứ 2 Ban chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tại Thông báo số 386/TB-VPCP ngày 16/8/2024 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã báo cáo Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật đầu tư theo phướng thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cấp thiết về thể chế, đơn giản hóa thủ tục hành chính và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh.

- Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Bộ Tài chính đã báo cáo Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo hướng tiếp tục phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với một số loại dự án nhằm tăng cường phân quyền, tỉnh giản quy trình, thủ tục, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Để triển khai thực hiện Luật Đầu tư được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15, Bộ Tài chính đã xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10/2/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt và Nghị định số …; Thông tư 06/2025/TT-BKHĐT ngày 12/02/2025 quy định mẫu văn bản liên quan đến thủ tục đầu tư đặc biệt.

Để triển khai thực hiện Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) đã ban hành các Quyết định và công văn chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính về đầu tư được nhanh chóng, hiệu quả. Với việc triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện tốt Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn có liên quan đã góp phần đẩy mạnh công tác mời gọi và thu hút đầu tư; thành phần kinh tế tư nhân đẩy mạnh triển khai thực hiện các dự án đầu tư. Qua đó giúp tăng trưởng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, giải quyết việc làm, đóng góp ngân sách địa phương và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

***1.2. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Luật và hoàn thiện tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý đăng ký đầu tư***

Ngay sau khi Luật này có hiệu lực thi hành, Bộ Tài chính đã thiết lập bộ phận thường trực thi hành Luật để bảo đảm thực hiện luật liên tục, không gián đoạn. Bộ đã giải đáp, hướng dẫn xử lý các vướng mắc, khó khăn liên quan đến thực hiện Luật (bằng cả hình thức công văn, điện thoại, cử cán bộ trực tiếp tới địa phương để hướng dẫn).

Thực hiện Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư tại các Bộ, ngành và địa phương, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành rà soát, tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành công văn số 2541/CV-TCT ngày 18/4/2022 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn một số nội dung về triển khai, thực hiện dự án đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật. Việc Tổ công tác kịp thời ban hành Công văn hướng dẫn nêu trên có ý nghĩa hết sức quan trọng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, làm minh bạch hóa môi trường đầu tư, kinh doanh, là cơ sở để các tỉnh, thành phố, các cơ quan, tổ chức có liên quan, nhà đầu tư và doanh nghiệp triển khai, thi hành, góp phần thúc đẩy hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Để bảo đảm thực hiện các quy định mới của Luật Đầu tư về thủ tục thực hiện dự án đầu tư, Bộ Tài chính đã tiến hành nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài vàđầu tư ra nước ngoài; thường xuyên cập nhật, đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ; các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đầu tư kinh doanh; công bố công khai thông tin về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, thông tin về đầu tư ra nước ngoài trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài, Hệ thống thông tin theo dõi, giám sát đầu tư công để giúp cho người dân và doanh nghiệp có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin và thực hiện được quyền của mình khi tham gia các quan hệ pháp luật kinh doanh, đấu thầu, đầu tư.

Công tác phổ biến, tuyên truyền, đào tạo cũng được chú trọng với việc tổ chức hàng trăm hội thảo, lớp tập huấn để giới thiệu các quy định mới của Luật, đặc biệt là các quy định về trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư như:

- Tổ chức hội thảo hỗ trợ, hướng dẫn địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư trong quá trình thực hiện dự án đầu tư kinh doanh vào tháng 3/2023 tại Hà Nội trong khuôn khổ hoạt động Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, tháo gỡ khó khăn vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư của các Bộ, ngành và địa phương;

- Tuyên truyền, phổ biến quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP tại Hội nghị tập huấn tuyên truyền hội nhập và hợp tác quốc tế năm 2023 do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì tổ chức vào tháng 3/2023 tại Bắc Giang;

- Giới thiệu quy định của pháp luật về đầu tư kinh doanh tại Việt Nam tại hội thảo chia sẻ kinh nghiệm của Việt Nam trong thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển các KCN, KKT do Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Đại sứ quán Cuba tại Việt Nam (*tổ chức vào tháng 4/2023*).

- Phổ biến, giáo dục pháp luật qua hình thức trả lời văn bản,Vụ đã trả lời, giải đáp nhiều vướng mắc về chính sách pháp luật thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Kế hoạch và Đầu tư thông qua các văn bản cho các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư; trả lời kiến nghị của cử tri liên quan đến việc triển khai dự án đầu tư, vướng mắc, khó khăn trong giải quyết thủ tục hành chính; trả lời trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ.

- Bộ đã tích cực tham gia phối hợp với Bộ Tư pháp các hoạt động của Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật và tham gia các đoàn kiểm tra do Bộ Tư pháp tổ chức. Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc phổ biến, giáo dục pháp luật...

Thông qua các hội nghị, hội thảo này các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có điều kiện hiểu biết sâu hơn về pháp luật đầu tư để triển khai thực hiện có hiệu quả khi văn bản quy phạm pháp luật được ban hành.

**2. Kết quả thi hành**

***2.1. Kết quả chung***

Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và qua 03 lần sửa đổi chính thức (Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15) đã có nhiều điểm mới mang tính đột phá, tạo ra cú hích góp phần thúc đẩy doanh nghiệp lớn mạnh trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng hội nhập quốc tế sâu rộng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút nguồn lực đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, cụ thể như sau:

(i) Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đã hoàn thiện các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh, đồng thời cắt giảm một số ngành, nghề không cần thiết, bất hợp lý nhằm tiếp tục bảo đảm thực hiện đầy đủ, nhất quán quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà Luật không cấm hoặc quy định phải có điều kiện; tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, khắc phục những bất cập, chồng chéo giữa các Luật liên quan đến đầu tư kinh doanh, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Đồng thời, Luật hoàn thiện, bổ sung các công cụ cần thiết nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư, bảo đảm an ninh quốc phòng. Điều này phù hợp với xu hướng rà soát/sàng lọc các dự án đầu tư trên thế giới hiện nay.

(ii) Luật số 03/2022/QH15 đã sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo hướng bổ sung ưu đãi đầu tư cho khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái; doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo hoạt động tại các cơ sở của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia và các trung tâm đổi mới sáng tạo; phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, dự án đầu tư thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt,…

(iii) Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo hướng tiếp tục phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với một số loại dự án nhằm tăng cường phân quyền, tỉnh giản quy trình, thủ tục, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án này. Đồng thời, Luật đã bổ sung thủ tục đầu tư đặc biệt đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp bản dẫn, công nghệcao... tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu thực mại tự do,... theo hướng chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”. Đây là nội dung đột phá nhằm rút ngắn thời gian triển khai dự án, thể hiện cách tiếp cận mới trong xây dựng thể chế theo hướng vừa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

(iv) Tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoán XV đã thông qua Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư, trong đó có nhiều chính sách về đầu tư nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia như phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, tạo chủ động, linh hoạt cho địa phương trong việc xem xét và giải quyết các vấn đề liên quan đến chủ trương đầu tư;… bãi bỏ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 Luật Nhà ở về việc “*phải xác định trong chủ trương đầu tư dự án trách nhiệm đầu tư, xây dựng và quản lý, sử dụng sau đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng*”… nhằm đẩy mạnh hỗ trợ, phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính theo đúng tinh thần *“địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”*, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông, sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

***2.2. Kết quả cụ thể***

Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, tác động của Thuế tối thiểu toàn cầu tới khả năng thu hút đầu tư nước ngoài,… tình hình đầu tư trong nước vẫn đạt được kết quả tích cực. Theo Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư, trong giai đoạn 2021 – 2024, đã có tổng 6.703 dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư; 29.195 dự án được thực hiện (số dự án được thực hiện năm 2024 đã tăng 44,4% so với năm 2021); tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 8.304.901 tỷ đồng (trong đó, số vốn đầu tư đăng ký đạt đỉnh trong năm 2023 đạt 6.250.308 tỷ đồng, tăng hơn 8 lần so với năm trước đó); số vốn đầu tư thực hiện đạt 1.575.006 tỷ đồng (số vốn đầu tư thực hiện trong năm 2024 đã tăng 2 lần so với năm 2021).

Về tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (ĐTNN): Thu hút đầu tư đạt kết quả tích cực. Tổng vốn đăng ký tính từ năm 2021 đến tháng 9 năm 2024 đạt 132.316,3 triệu USD, đạt 88,21% mục tiêu kế hoạch về thu hút vốn đăng ký đầu tư giai đoạn 2021-2025. Tổng giá trị đã giải ngân của các dự án ĐTNN trong giai đoạn từ năm 2021 đến tháng 9 năm 2024 ước đạt khoảng 82.654 triệu USD, bằng 82,65% mục tiêu kế hoạch về vốn đầu tư thực hiện giai đoạn 2021-2025 và đạt mức giải ngân cao nhất vào năm 2023 với gần 23.183 triệu USD.

Chất lượng dòng vốn ĐTNN được cải thiện, phù hợp với định hướng thu hút ĐTNN và mục tiêu tăng trưởng xanh của Việt Nam. Hiện nay, còn nhiều dự án đầu tư lớn ở các lĩnh vực năng lượng (sản xuất pin, tế bào quang điện, thanh silic), sản xuất linh kiện, sản phẩm điện tử, sản phẩm nhiều giá trị gia tăng được đầu tư mới và mở rộng vốn trong 09 tháng năm 2024; đã có thêm nhiều dự án trong lĩnh vực điện tử, công nghệ, dự án sử dụng năng lượng tái tạo được xây dựng tại Việt Nam như dự án nhà máy trung hòa carbon đầu tiên của Lego, nhà máy sử dụng 100% năng lượng tái tạo của tập đoàn Pandora.

Bên cạnh đó, khu vực ĐTNN có vai trò quan trọng, đóng góp lớn trong tổng vốn đầu tư xã hội, bình quân năm 2021-2023 chiếm 16,1% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tạo thêm xung lực, là nhân tố quan trọng góp phần phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao, các ngành công nghiệp phụ trợ của Việt Nam; tạo việc làm, tăng thu NSNN. Có thể coi khu vực ĐTNN là “cứu cánh” trong bối cảnh hoạt động đầu tư trong nước chưa được sôi động như kỳ vọng. Xuất khẩu của khu vực ĐTNN liên tục tăng lên trong các năm 2021, 2022 với mức tăng tương ứng 20,8% và 11,8% so với năm trước đó. Đồng thời, khu vực này cũng luôn xuất siêu (28,4 tỷ năm 2021 và 42,7 tỷ năm 2022), là bệ đỡ giúp cả nước xuất siêu 12,4 tỷ USD trong năm 2022 và xuất siêu hơn 3,2 tỷ USD trong năm 2021. Riêng năm 2023, tuy xuất khẩu khu vực ĐTNN giảm khoảng 6,1% so với năm 2022, song vẫn duy trì xuất siêu hơn 50 tỷ USD và bù đắp phần nhập siêu của khu vực kinh tế trong nước. Trong 10 tháng đầu năm 2024 xuất khẩu khu vực ĐTNN ước đạt 214,761 tỷ USD, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm 2033, xuất siêu 42,92 tỷ USD.

Việt Nam tiếp tục được các tổ chức quốc tế và cộng đồng doanh nghiệp FDI đánh giá là điểm đến đầu tư hấp dẫn và an toàn với lợi thế chính trị ổn định, môi trường đầu tư luôn được cải thiện mạnh mẽ và thông thoáng. UNCTAD đã đánh giá Việt Nam nằm trong nhóm 20 quốc gia hấp dẫn vốn ĐTNN hàng đầu thế giới; Báo cáo chỉ số niềm tin kinh doanh của Eurocham cho rằng 63% doanh nghiệp tham gia khảo sát xếp Việt Nam trong nhóm 10 điểm đến FDI hàng đầu thế giới; khảo sát nhanh do Bộ KH&ĐT phối hợp với Liên minh Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam (VBF) thực hiện trong tháng 9/2022, cho thấy những thông tin tích cực về hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Cụ thể: trên 90% doanh nghiệp đạt hiệu quả kinh doanh và tỉnh hình tài chính ở mức trung bình và cao; 76% doanh nghiệp đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh của Chính phủ ở mức trung bình và cao.

Đồng thời, các bộ ngành, địa phương đã kịp thời có các biện pháp linh hoạt tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, thể hiện sự nỗ lực của Chính phủ, các bộ, ngành, các địa phương trong việc thúc đầy cải cách, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.Vị thế của Việt Nam trên bản đồ quốc tế về thu hút ĐTNN được nâng cao nhiều tập đoàn lớn đa quốc gia trên thế giới dành sự quan tâm đến Việt Nam. Một số tập đoàn lớn đã thực hiện quá trình dịch chuyển chuỗi cung ứng sản xuất sang Việt Nam (như Apple, Dell, Foxconn, Pegatron, Nike, Adidas...). Một số tập đoàn lớn của Hàn Quốc, Hà Lan và Mỹ cũng đang tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu và dự kiến sẽ triển khai các dự án đầu tư trong thời gian tới. Nhiều Tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong ngành điện tử, bán dẫn đã hiện diện và đang có kế hoạch mở rộng đầu tư tại Việt Nam như Intel, Samsung, Synopsys, Qualcomm, Infineon, Amkor, Apple, Nvidia, Hana Micron... góp phần hình thành hệ sinh thái bán dẫn 318. Điều này là minh chứng cho vai trò then chốt và ngày càng quan trọng của Việt Nam trong chuỗi cung ứng bán dẫn toàn cầu.

Kết quả thi hành đối với từng nhóm quy định của Luật Đầu tư như sau:

***2.2.1. Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện***

Danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục 4 của Luật Đầu tư năm 2014 gồm 267 ngành nghề. Hiện nay, theo quy định tại Luật Đầu tư 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15), số lượng ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện giảm còn 237 ngành, nghề, trong đó, các yêu cầu điều kiện về phù hợp với quy hoạch hoặc có phương án, kế hoạch kinh doanh cũng được cắt giảm đáng kể; các yêu cầu về vốn được bãi bỏ ở hầu hết các lĩnh vực... Nhờ đó, môi trường kinh doanh đã thuận lợi hơn, tạo điều kiện hơn cho doanh nghiệp tham gia thị trường cũng như đầu tư, sản xuất và kinh doanh trong nhiều lĩnh vực.

Thực hiện quy định tại khoản 7 Điều 7 Luật Đầu tư và khoản 1 Điều 12 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, tập hợp các điều kiện đầu tư kinh doanh áp dụng đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư. Danh mục các điều kiện đầu tư kinh doanh nêu trên cùng với các biểu mẫu hướng dẫn thực hiện đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Mặc dù có nhiều cải cách vượt bậc trong danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh, trong quá trình triển khai vẫn có một số vướng mắc như sau:

- Việc định kỳ rà soát, đề xuất bãi bỏ hoặc sửa đổi điều kiện đầu tư kinh doanh chưa được một số bộ, ngành chủ động thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP mà phần lớn vẫn chỉ được triển khai khi có yêu cầu, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó, các bộ, ngành chưa xây dựng Đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh theo đúng yêu cầu về hình thức, nội dung quy định tại Điều 8 Luật Đầu tư; Điều 13 Luật Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Một số ngành, nghề và điều kiện đầu tư kinh doanh được đề xuất soạn thảo, nhưng chưa có sự giải trình đầy đủ, rõ ràng về sự cần thiết và tính hợp lý theo các tiêu chí quy định tại các văn bản nêu trên.

Trên thực tế, tiêu chí về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng trong một số trường hợp đã bị lạm dụng. Cơ quan soạn thảo chỉ đơn thuần viện dẫn những lý do trên để thuyết minh sự cần thiết phải quy định điều kiện đầu tư kinh doanh mà không phân tích đầy đủ về quy mô, mức độ rủi ro, đánh giá, so sánh các giải pháp khác nhau làm cơ sở để chứng minh sự cần thiết phải áp dụng điều kiện đó.

Không ít ngành, nghề thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện chưa thật sự đáp ứng tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư về sự cần thiết phải quy định là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như:

+ Việc xác định “kinh doanh dịch vụ kế toán” là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện dường như là chưa hợp lý do trước thời điểm 2014 khi Luật Kế toán 2014 được ban hành thì kinh doanh dịch vụ kế toán được xem là một ngành, nghề kinh doanh thông thường. Trong suốt thời gian trước đó, hoạt động này cũng không được ghi nhận bất kỳ rủi ro nào tác động bất lợi đáng kể đến các lợi ích công cộng. Điều này cho thấy thực tiễn đã chứng minh hoạt động kinh doanh này không cần thiết phải kiểm soát bằng điều kiện kinh doanh;

+ Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan: Hoạt động cung cấp dịch vụ này hầu như không tác động tới các lợi ích công cộng đến mức buộc phải kiểm soát bằng điều kiện kinh doanh. Đại lý làm thủ tục hải quan nếu phát sinh rủi ro chỉ ảnh hưởng tới lợi ích riêng của chủ thể thuê làm thủ tục hải quan (vốn là mối quan hệ tư, hoàn toàn có thể được giải quyết theo pháp luật tư), mà hầu như không tạo ra ảnh hưởng đáng kể nào tới lợi ích công cộng của xã hội hay Nhà nước nói chung;

- Cơ chế giám sát thực hiện nhiệm vụ cải cách hệ thống quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh chưa phù hợp, kém hiệu quả.Trong thời gian qua, Quốc hội và Chính phủ đã có nhiều nỗ lực và quyết tâm xóa bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh bất hợp lý, gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhưng những mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể để đo lường mức độ thành công hay thất bại trong việc thực hiện nhiệm vụ này cũng chưa được xác định. Kết quả là, các đợt rà soát, cải cách về điều kiện đầu tư kinh doanh thường chưa thật sự đạt được mục tiêu của Chính phủ cũng như mong muốn, kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp.

- Số lượng ngành nghề kinh doanh có điều kiện trên thực tế lớn hơn số lượng theo danh mục Phụ lục IV Luật Đầu tư. Việc “*cắt giảm Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện”* theo Luật Đầu tư năm 2020 được đánh giá là chưa thực sự thực chất; việc “cắt giảm” đôi khi được thực hiện dưới hình thức gộp tên ngành nghề hoặc sử dụng tên ngành nghề có phạm vi điều chỉnh rộng để rút gọn về hình thức số lượng ngành nghề. Bên cạnh đó, số lượng ngành nghề kinh doanh có điều kiện thuộc một số lĩnh vực quản lý nhà nước cũng tăng lên qua mỗi đợt sửa đổi Danh mục.

- Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư năm năm 2020 phần lớn áp dụng cơ chế tiền kiểm (phải xin cấp giấy phép mới được kinh doanh). Trên thực tế, có những ngành nghề không cần thiết phải kiểm soát theo cơ chế tiền kiểm như ngành nghề: *Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa, sản xuất mũ bảo hiểm do tiêu chuẩn chất lượng đã được quản lý bởi quy chuẩn kỹ thuật, không cần điều kiện đầu tư..*. Điều này sẽ hạn chế thúc đẩy tự do kinh doanh, tạo rào cản gia nhập thị trường của doanh nghiệp. Ngoài ra, nhiều ngành nghề có tình trạng “cấp phép hình thức nhưng hoạt động không thực chất” nên cơ chế công bố điều kiện – hậu kiểm sẽ đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước hơn là kiểm soát bằng giấy phép. Nhiều đề xuất cho rằng nên loại bỏ các ngành nghề kinh doanh có thể kiểm soát theo cơ chế hậu kiểm (như các ngành nghề có thể kiểm soát bằng quy chuẩn kỹ thuật, các ngành nghề ít rủi ro, ảnh hưởng đến lợi ích công cộng…).

- Một số điều kiện đầu tư kinh doanh đặt ra yêu cầu quá mức cần thiết để phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, tạo ra rào cản gia nhập thị trường, hạn chế cạnh tranh (như yêu cầu phải sở hữu phương tiện, máy móc, thiết bị; quy định thời hạn Giấy phép kinh doanh quá ngắn; yêu cầu nhân viên quản lý hoặc vận hành của doanh nghiệp phải được đào tạo, tập huấn do cơ quan nhà nước tổ chức và thu tiền…).

- Nhiều điều kiện đầu tư kinh doanh được quy định chung chung, không rõ ràng, thiếu cụ thể, khó xác định, như: “phải phù hợp”, “phải đủ”, “ phải có đủ sức khỏe”, "phải có trình độ"…

- Một sốđiều kiện đầu tư kinh doanh áp đặt phương thức kinh doanh cứng nhắc, can thiệp quá sâu vào quyền tự chủ tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gây tác động bất lợi đến doanh nghiệp vừa và nhỏ (như bắt buộc phải thành lập một loại hình doanh nghiệp cụ thể; yêu cầu kinh doanh theo một phương thức nhất định; phải có mặt bằng, quy mô, công suất sản xuất, kinh doanh tối thiểu hoặc phải sử dụng một loại công nghệ nhất định…).

- Một số điều kiện kinh doanh vẫn mang tính định tính mà chưa được quy định cụ thể bằng các tiêu chí định lượng, dẫn đến lúng túng trong việc hướng dẫn và thẩm định hồ sơ, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết thủ tục hành chính và hiệu quả thu hút đầu tư; bên cạnh đó, nội hàm của một số ngành nghề mở rộng hơn, bao trùm hơn….Ví dụ: Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư 2014 quy định *“Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường”*; đến Luật Đầu tư 2020, ngành nghề này được rút ngắn với nội dung: *“Nuôi động vật rừng thông thường”*; hoặc như nghề *“Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản”* là ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư 2014, đến Luật Đầu tư 2020 thì ngành nghề này mở rộng thêm: *“Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi”*. Thậm chí trên thực tế, số lượng ngành nghề cụ thể có quy định về điều kiện kinh doanh tại pháp luật chuyên ngành lớn hơn nhiều con số 227 ngành nghề theo Danh mục của Luật Đầu tư 2020.

- Một số ngành nghề được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Luật Đầu tư nhưng không thống nhất với tên quy định tại pháp luật chuyên ngành nông nghiệp, ví dụ: các ngành nghề “Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật” (số thứ tự 164); “Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật” (số thứ tự 165) (Luật Thú y quy định: cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật). Một số ngành nghề hiện chưa có quy định cụ thể về điều kiện kinh doanh - như “Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật” (số thứ tự 170 Phụ lục IV).

- Một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã được đưa ra khỏi Danh mục tại Phụ lục IV Luật Đầu tư, nhưng Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh vẫn còn hiệu lực thi hành. Danh mục của Luật Đầu tư 2020 đã bãi bỏ rất nhiều ngành nghề kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực y tế so với Danh mục tại Luật số 03/2016/QH14 và Danh mục tại Luật Đầu tư 2014. Tuy nhiên, hầu hết các ngành đưa ra khỏi Danh mục vẫn là ngành nghề kinh doanh có điều kiện và vẫn được điều chỉnh bởi các Nghị định liên quan.

Ngoài ra, một số ngành nghề được tự do hoá ở nhiều nước như: kinh doanh dịch vụ tư vấn du học, dịch vụ giám định thương tật, một số hoạt động trong lĩnh vực logistics, dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế… cũng thuộc diện kinh doanh có điều kiện theo Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện (ban hành theo Phụ lục IV của Luật Đầu tư 2020) hoặc chưa cập nhật kịp thời xu hướng phát triển, nhất là các ngành liên quan đến mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, thương mại điện tử…gây cản trở cạnh tranh, tính linh hoạt của thị trường.

Bên cạnh đó, trên thực tế, công tác hậu kiểm điều kiện đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư trong một số ngành, nghề chưa được quan tâm đúng mức. Các điều kiện đầu tư kinh doanh được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành khác nhau nên đã gây khó khăn cho công tác kiểm tra, đặc biệt là các lĩnh vực có yêu cầu kỹ thuật chuyên sâu như: Y tế, giáo dục, năng lượng, bất động sản, môi trường,...

Việc duy trì danh mục quá nhiều ngành, nghề có điều kiện đang tạo ra rào cản pháp lý, làm tăng chi phí tuân thủ, giảm hiệu quả môi trường đầu tư kinh doanh trong nước và năng lực cạnh tranh quốc tế. Mặt khác, một số ngành nghề mới, tiềm ẩn rủi ro phức tạp về an ninh, trật tự, sức khoẻ cộng đồng lại không được quy định là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khiến hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước gặp khó khăn, chủ cơ sở kinh doanh dễ lợi dụng kẽ hở để vi phạm pháp luật *(như: Kinh doanh nền tảng chia sẻ dữ liệu cá nhân (Lý do: Đảm bảo an toàn thông tin, quyền riêng tư cá nhân); Kinh doanh công nghệ deepfake (Lý do: Ngăn chặn lạm dụng công nghệ gây rối loạn thông tin, lừa đảo)...*

Những hạn chế nêu trên đã và đang tạo ra nhiều rủi ro cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, không khuyến khích sáng tạo, hạn chế cạnh tranh, làm gia tăng chi phí của doanh nghiệp. Đó cũng là một trong những nguyên nhânlàmhạn chế số lượng doanh nghiệp đăng ký mới và làm nản lòng các doanh nghiệp đang hoạt động mong muốn mở rộng sản xuất, kinh doanh.

***2.2.2. Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài***

Điều kiện tiếp cận thị trường (Điều 3 Luật Đầu tư 2020): Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài là điều kiện nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng để đầu tư trong các ngành, nghề thuộc Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật này (tức 59 ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện nêu trên).

Theo khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư 2020 về điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài bao gồm: Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; hình thức đầu tư; phạm vi hoạt động đầu tư; năng lực của nhà đầu tư; đối tác tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; điều kiện khác theo quy định tại pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Theo quy định tại Phụ lục I của Nghị định 31/2021/NĐ-CP, danh mục các ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài bao gồm: 25 ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường; 59 ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện.

Theo Điều 17 Nghị định 31/2021/NĐ-CP: Nhà đầu tư nước ngoài được tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước đối với các ngành, nghề Việt Nam chưa cam kết về tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu pháp luật không có quy định hạn chế tiếp cận thị trường với những ngành, nghề đó).

Đồng thời, để có căn cứ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, tập hợp điều kiện tiếp cận thị trường(điều kiện đầu tư)áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoàitheo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Những quy định trên nhằm tạo môi trường cạnh tranh minh bạch giữa các nhà đầu tư và việc thực hiện hoạt động đầu tư ở Việt Nam hiệu quả và thuận lợi hơn. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng có những khó khăn nhất định, cụ thể:

- Các điều kiện tiếp cận thị trường như tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ và hình thức đầu tư thường được quy định chung chung mà không có hướng dẫn chi tiết cho từng ngành nghề, nên khó khăn trong quá trình áp dụng, dễ dẫn đến các tranh chấp pháp lý và gây trì hoãn trong cải cách hành chính.

- Việc hạn chế đầu tư vào một số ngành nghề là một phần trong chính sách bảo vệ lợi ích quốc gia, đảm bảo sự phát triển bền vững và bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự xã hội và môi trường. Tuy nhiên, sự hạn chế này có thể làm giảm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, khiến các nhà đầu tư nước ngoài cảm thấy bị giới hạn và chuyển hướng đầu tư sang các quốc gia khác, nơi có điều kiện đầu tư thông thoáng hơn. Hơn nữa, việc hạn chế quá nhiều ngành nghề có thể làm chậm quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, giảm cơ hội hợp tác và thu hút vốn đầu tư.

Việc rà soát, tập hợp và công bố các điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài cũng gặp nhiều khó khăn do một số vướng mắc chủ yếu sau:

- Các điều ước quốc tế về đầu tư mà Việt Nam là thành viên có cách tiếp cận khác nhau về ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài (Ví dụ: cam kết của Việt Nam trong WTO thực hiện theo nguyên tắc chọn-cho; trong khi hiệp định song phương về đầu tư với Nhật Bản, Hiệp định thương mại Việt Nam-Hoa Kỳ… thực hiện theo cách tiếp cận chọn- bỏ)**;**

*-* Một số ngành hoặc phân ngành dịch vụ mà Việt Nam chưa cam kết trong WTO, nhưng pháp luật hiện hành không quy định cụ thể về điều kiện gia nhập thị trường đối với các nhà đầu tư nước ngoài nên không có cơ sở để xác định điều kiện đầu tư cho các đối tượng này;

*-* Do được đàm phán trong những hoàn cảnh và điều kiện khác nhau nên phạm vi và mức độ cam kết của Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ trong mỗi điều ước quốc tế chưa có sự đồng nhất (Ví dụ: Hiệp định đầu tư song phương với Nhật Bản không hạn chế đầu tư của Nhật Bản trong ngành giáo dục, nhưng theo cam kết của Việt Nam trong WTO, nhà đầu tư nước ngoài bị hạn chế về phạm vi hoạt động trong ngành này);

Ngoài ra, Cổng thông tin quốc gia về đầu tư (https://vietnaminvest.gov.vn) cần được quan tâm đầu tư, hoàn thiện theo hướng xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ, cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài và cơ quan quản lý của địa phương trong việc tra cứu, áp dụng các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.

***2.2.3. Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về bảo đảm đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư***

a) Bảo đảm đầu tư

Quy định về bảo đảm đầu tư theo Luật Đầu tư 2020 (từ Điều 10 - Điều 14) quy định đảm bảo quyền và lợi ích của nhà đầu tư từ đó góp phần cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Các biện pháp bảo đảm đầu tư đã và đang thực sự trở thành công cụ pháp lý hữu hiệu trong việc tạo động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh cũng như bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhà đầu tư tại Việt Nam. Pháp luật đã quy định rõ việc nhà nước cam kết mạnh mẽ bảo vệ vốn và tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của nhà đầu tư. Theo đó, tài sản của nhà đầu tư không bị quốc hữu hoá, trường hợp Nhà nước trưng thu, trưng mua tài sản của nhà đầu tư vì lý do quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia thì Nhà nước bảo đảm nhà đầu tư được thanh toán hoặc bồi thường theo quy định pháp luật tại thời điểm công bố việc trưng mua, trưng dụng...

Quy định về bảo đảm đầu tư trong Luật Đầu tư đã góp phần tạo dựng môi trường đầu tư ổn định, minh bạch, và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, từ đó thu hút nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

b) Ưu đãi đầu tư:

- Về ngành, nghề ưu đãi đầu tư:

Hiện vấn đề ưu đãi, hỗ trợ đầu tư được Luật Đầu tư năm 2020 quy định tại Chương III với 06 điều luật (từ Điều 15 đến Điều 20). Về nguyên tắc, Luật Đầu tư đóng vai trò là luật khung quy định chung về các nội dung: Đối tượng được ưu đãi, hỗ trợ; hình thức ưu đãi, hỗ trợ; điều kiện, nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ; trình tự, thủ tục hưởng ưu đãi, hỗ trợ; các Luật khác cụ thể hoá các hình thức và nội dung ưu đãi, hỗ trợ, chẳng hạn các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (Luật thu nhập doanh nghiệp), ưu đãi về thuế sử dụng đất (Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp), ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (Luật đất đai), hỗ trợ về khoa học công nghệ (Luật khoa học công nghệ), đào tạo nguồn nhân lực (Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học), hỗ trợ tín dụng (Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ)…

Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, vẫn luôn có sự không thống nhất giữa đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, các pháp luật chuyên ngành thường bổ sung ngành, nghề ưu đãi cụ thể tại pháp luật chuyên ngành, dẫn đến sự thiếu thống nhất, đồng bộ về đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư giữa quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật chuyên ngành.

Khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư. Trên cơ sở đó, Phụ lục III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định cụ thể về ngành, nghề ưu đãi đầu tư và ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư. Với tinh thần đổi mới, cải cách, tạo sự hấp dẫn cho môi trường đầu tư, kinh doanh Việt Nam, Luật Đầu tư năm 2020 đã có một số quy định mới về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo hướng đẩy mạnh thu hút đầu tư, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế trong giai đoạn hiện nay như phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, đồng thời tạo sự thống nhất, đồng bộ với các Luật khác có liên quan như: Luật kinh doanh bất động sản, Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa…

Tuy nhiên, các ngành, nghề ưu đãi, hỗ trợ đầu tư còn dàn trải, hình thức, chưa thật sự thu hút các nguồn lực đầu tư, nhằm cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy liên kết giữa các ngành, vùng, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh thế giới thay đổi nhanh và phức tạp, môi trường kinh doanh quốc tế và đầu tư xuyên biên giới gặp nhiều thách thức, tình hình dòng vốn FDI toàn cầu biến động và có xu hướng suy giảm, trong khi đó, cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài ngày càng quyết liệt; Thuế tối thiểu toàn cầu ảnh hưởng lớn đến các chính sách ưu đãi thuế hiện hữu, đòi hỏi sự thay đổi nhanh chóng, kịp thời nhằm giữ vững vị thế cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư, nhiều nước đã có những động thái mạnh mẽ trong việc thu hút và duy trì vốn FDI; qua đó, tạo sức ép và động lực cần thiết để Việt Nam thực hiện cải cách chính sách ưu đãi đầu tư trong giai đoạn tới. Việt Nam cần có các chính sách ưu đãi đầu tư đột phá, có trọng tâm, trọng điểm, mang tính sàng lọc để lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, các dự án đầu tư có chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao, R&D, bảo vệ môi trường…; danh mục ngành, nghề được áp dụng ưu đãi cũng phải có tính chọn lọc gắn với các lợi thế và định hướng ưu tiên chiến lược của quốc gia; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả của quá trình tổ chức thực hiện các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư là yêu cầu thường xuyên, liên tục, có ý nghĩa quyết định đến việc thu hút đầu tư nước ngoài, là yếu tố đảm bảo cho các chính sách được thực thi đúng và đầy đủ trên thực tế.

- Về địa bàn ưu đãi đầu tư:

Khoản 2 Điều 16 Luật Đầu tư quy định về địa bàn ưu đãi đầu tư bao gồm địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, Luật chưa quy định nguyên tắc, tiêu chí để xác định các địa bàn ưu đãi đầu tư này.

Hiện nay, địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Phụ lục III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP được xác định đối với đơn vị hành chính cấp Huyện của 54 địa phương trên cả nước. Thực tiễn cho thấy danh mục địa bản ưu đãi đầu tư còn một số bất cập: (*i) Một số địa bàn đã có điều kiện phát triển, không còn đặc biệt khó khăn nhưng vẫn nằm trong danh mục; (ii) Nhiều địa bàn mới phát sinh khó khăn (biến đổi khí hậu, thiên tai, thiếu kết nối hạ tầng) chưa được cập nhật; (ii) Chưa phản ánh đầy đủ các vùng trọng điểm cần ưu tiên thu hút đầu tư xanh, chuyển đổi năng lượng, phát triển công nghệ cao.*

Hơn nữa, trong bối cảnh thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương, các địa phương mới được thành lập đã có nhiều thay đổi về điều kiện phát triển kinh tế xã hội so với trước khi sắp xếp.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định về địa bàn ưu đãi đầu tư tại Luật Đầu tư để đáp ứng được thực chất nhu cầu thu hút đầu tư theo tiêu chí địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

- Về ưu đãi đầu tư đặc biệt

Điều 20 Luật Đầu tư quy định về chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt để thu hút các nhà đầu tư chiến lược, thực hiện các dự án đầu tư có quy mô lớn, quan trọng, bao gồm dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, việc quy định điều kiện về vốn đầu tư để hưởng ưu đãi như dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư còn chưa thực sự phù hợp khi khó có dự án nào đáp ứng tiêu chí như vậy.

Trong thời gian qua, một số Luật chuyên ngành như Luật Dược, Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Hoá chất đã quy định hoặc đề xuất sửa đổi quy định tại Điều 20 Luật Đầu tư để bổ sung chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt áp dụng riêng cho các dự án thuộc lĩnh vực dược, công nghiệp công nghệ số, hoá chất với các mức vốn và tỷ lệ giải ngân phù hợp cho các ngành này.

- Việc áp dụng ưu đãi đầu tư đối với một số loại dự án cụ thể gặp một số khó khăn, vướng mắc như:

(i) Một dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và đang hưởng chính sách ưu đãi đầu tư trên toàn bộ diện tích đất sử dụng để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, nhà đầu tư đã xây dựng một số công trình trên một phần diện tích đất và bị xử phạt vi phạm hành chính do không có giấy phép xây dựng. Hiện nay, pháp luật chưa có quy định cụ thể về việc xử lý trường hợp nhà đầu tư vi phạm trên một phần diện tích đất đang được hưởng ưu đãi đầu tư thì có được tiếp tục hưởng ưu đãi đối với phần diện tích không vi phạm hay không hoặc là bị chấm dứt toàn bộ ưu đãi đầu tư cho toàn bộ dự án. Đây là vướng mắc đã gây khó khăn cho địa phương trong quá trình xem xét, xử lý và áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

(ii) Khu công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ là địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, theo đó đối với dự án đầu tư mới được thành lập tại Khu công nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện thì được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm ưu đãi về thuế suất và ưu đãi về miễn, giảm hay ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất.

Tuy nhiên, pháp luật về thuế, pháp luật về đất đại không quy định ưu đãi đối với Khu công nghiệp là địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, điều này dẫn đến bất cập trong quá trình hướng dẫn doanh nghiệp được hưởng ưu đãi theo quy định nêu trên.

***2.2.4. Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư***

Kể từ khi Luật Đầu tư năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, hoạt động đầu tư, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư đã có nhiều chuyển biến tích cực, đóng góp quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế tư nhân tại địa phương. Xét về bản chất, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư là chấp thuận nguyên tắc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về mục tiêu, địa điểm và một số điều kiện khác nhằm bảo đảm việc thực hiện dự án phù hợp với quy hoạch và làm cơ sở để nhà đầu tư thực hiện các thủ tục triển khai dự án như: giao đất, cho thuê đất, cấp phép xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường... Quyết định của chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước không đồng nghĩa với quyết định đầu tư của nhà đầu tư. Về nguyên tắc, nhà đầu tư phải tự quyết định và chịu trách nhiệm về hiệu quả dự án đầu tư của mình.

Quy nhiều lần rà soát, Luật đã được sửa đổi theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với một số loại dự án nhằm tăng cường phân quyền, tỉnh giản quy trình, thủ tục, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án này, cụ thể như sau:

- Luật số 03/2022/QH15 đã sửa đổi các Điều 31, Điều 32 và quy định liên quan của Luật Đầu tư để tăng cường phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án nhà ở, khu đô thị có quy mô sử dụng đất dưới 300 ha hoặc quy mô dân số dưới 50.000 người; và các dự án phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa thuộc phạm vi khu vực bảo vệ II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt (trừ di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới). Việc phân cấp nêu trên nhằm cải cách thủ tục đầu tư kinh doanh, nâng cao vai trò và sự chủ động của các địa phương.

- Luật số 57/2024/QH15 đã phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho UBND cấp tỉnh đối với: *(i) dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; (ii) dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng thuộc cảng biển đặc biệt và (iii) dự án đầu tư không phân biệt quy mô thuộc phạm vi bảo vệ của khu vực I và khu vực II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, trừ các dự án đầu tư thuộc khu vực bảo vệ I của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới nhằm tạo chủ động cho các địa phương.*

- Luật số 90/2025/QH15 phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với 07 nhóm dự án, bao gồm: *(1) Dự án đầu tư có yêu cầu di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác; (2) Dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; đường cất hạ cánh của cảng hàng không, sân bay; nhà ga hành khách của cảng hàng không quốc tế; nhà ga hàng hóa của cảng hàng không, sân bay có công suất từ 01 triệu tấn/năm trở lên; (3) Dự án đầu tư mới kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường hàng không; (4) Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển đặc biệt, cảng biển loại I; (5) Dự án đầu tư chế biến dầu khí; (6) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 300 ha trở lên hoặc quy mô dân số từ 50.000 người trở lên; (7) Dự án đầu tư đồng thời thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của từ 02 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên.*

Tuy vậy, quá trình áp dụng các quy định của Luật Đầu tư năm 2020 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư, của doanh nghiệp, địa phương đã gặp một số vướng mắc cụ thể như sau:

- Trong thời gian qua, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đang trở thành tâm điểm tranh luận khi nhiều ý kiến đề xuất bãi bỏ để giảm rào cản đầu tư, nhưng cũng không ít quan điểm cho rằng nếu bỏ thủ tục này sẽ tiềm ẩn rủi ro về quản lý nhà nước, thiệt hại cho doanh nghiệp. Có ý kiến cho rằng thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư là thủ tục không rõ mục tiêu quản lý, không rõ ràng, không cụ thể, không hiệu quả, không thể tiên liệu trước và chồng chéo, trùng lặp với nhiều quy định khác… Mặt khác, có nhiều ý kiến cho rằng quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư là cơ sở để xác lập dự án, qua đó xác định rõ ràng các thông tin: quy mô, mục tiêu dự án, thời hạn thực hiện dự án, tiến độ thực hiện, quyền - nghĩa vụ của các bên (nhà nước, nhà đầu tư) với nhau, xác định các ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư sẽ được hưởng. Do đó, nếu không có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư thì những nội dung trên sẽ rất khó xác định một cách minh bạch và chủ thể chịu thiệt hại nhất chính là các nhà đầu tư.

Hiện nay, trong bối cảnh các quy định của pháp luật liên quan đến đầu tư kinh doanh như đất đai, đấu thầu, quy hoạch, nhà ở, kinh doanh bất động sản, điện lực, khoa học công nghệ… được sửa đổi, bổ sung tương đối toàn diện, trình tự thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện như:

(i) Vướng mắc trong việc xác định trường hợp phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư như:

+ Về dự án khai thác khoáng sản:

Có ý kiến cho rằng cần cắt giảm thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các loại dự án như dự án đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Luật Khoáng sản nhằm cắt giảm thủ tục hành chính do các luật chuyên ngành như Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Xây dựng,... đã có quy định rõ ràng các vấn đề phải tiến hành thẩm định khi xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư cũng đã được xem xét trong quá trình thực hiện đấu giá.

+ Về dự án cụm công nghiệp:

Điều 29 Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án có đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu, dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất hoặc thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư nói chung (bao gồm cả dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp).

Ngoài thủ tục chấp thuận chủ trương theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 về quản lý, phát triển cụm công nghiệp quy định thủ tục thành lập/mở cụm công nghiệp và lựa chọn chủ đầu tư thành lập cụm công nghiệp, trong đó đề xuất quy định dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đã được phê duyệt không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Như vậy, Nghị định về cụm công nghiệp còn những nội dung chưa đồng bộ về thủ tục với Luật Đầu tư, gây khó khăn cho địa phương trong quá trình thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án hạ tầng cụm công nghiệp.

Bên cạnh đó, có vướng mắc liên quan đến trường hợp dự án chỉ có một nhà đầu tư quan tâm sau khi đã thực hiện thủ tục xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật đấu thầu có phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư hay không…

(ii) Vướng mắc liên quan đến nội dung thẩm định chấp chủ trương đầu tư (*như việc* *xác định thế nào là sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch, việc thẩm định nội dung về công nghệ, nhu cầu sử dụng đất, năng lực tài chính của nhà đầu tư, nội dung liên quan đến pháp luật về nhà ở*…) dẫn đến việc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư còn phức tạp, kéo dài, như:

+ Vướng mắc trong quá trình đánh giá khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư. Luật Đất đai năm 2024 và các Nghị định hướng dẫn thi hành không quy định trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định nhu cầu sử dụng đất; khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; khả năng đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất tại thời điểm thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư.

Do đó, khi được lấy ý kiến thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước về đất đai sẽ không đánh giá, thẩm định đối với nội dung này; dẫn đến cơ quan đăng ký đầu tư không có cơ sở để lập báo cáo thẩm định theo nội dung đã được quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

+ Về đánh giá năng lực của nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư: Theo quy định tại điểm c và điểm h khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020, hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất bao gồm *“tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư”* và “tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có)”. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư và đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư không quy định nội dung thẩm định, đánh giá điều kiện năng lực của nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư, trong đó bao gồm việc đánh giá năng lực tài chính và khả năng huy động vốn của nhà đầu tư. Do vậy, nhiều ý kiến cho rằng cần nghiên cứu bổ sung quy định này.

Tuy nhiên, hiện này Luật Đầu tư được thiết kế theo hướng quy định tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư được quy định trong Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, *nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.* Do đó, đề nghị tiếp tục thực hiện theo các quy định nêu trên. Ngoài ra, Luật Đầu tư không quy định về tỷ lệ “vốn góp” tối thiểu,… do điều kiện này phụ thuộc vào từng lĩnh vực, dự án chuyên này. Nội dung này cần nghiên cứu, thực hiện theo các quy định pháp luật chuyên ngành (đất đai, kinh doanh bất động sản…)…

(iii) Hiện nay pháp luật đấu thầu đã bổ sung 02 hình thức lựa chọn nhà đầu tư bao gồm chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt. Tuy nhiên, pháp luật về đầu tư chưa quy định việc lựa chọn nhà đầu tư trong các trường hợp này…

Do vậy, cần nghiên cứu hoàn thiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư để tháo gỡ các khó khăn vướng mắc nêu trên, đẩy nhanh quá trình thực hiện thủ tục này, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật.

(iv) Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư: Mặc dù như phân tích ở trên, thẩm quyền quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đã và đang được phân cấp triệt để. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai còn nhiều vướng mắc như chồng chéo thẩm quyền, quá tải hồ sơ ở Trung ương và thiếu chủ động ở địa phương; quy trình còn nhiều bước, thời gian kéo dài, đặc biệt với các dự án lớn hoặc cần sự chấp thuận của nhiều cấp. Do đó, có ý kiến cho rằng cần tiếp tục tăng cường phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho các Bộ, ngành, địa phương theo hướng:

+ Rà soát và thu hẹp danh mục dự án thuộc thẩm quyền Quốc hội chỉ đối với các dự án thực sự ảnh hưởng chiến lược, ví dụ: Dự án chuyển đổi mục đích rừng đặc dụng từ 50 ha trở lên; Dự án có tổng vốn đầu tư từ 20.000 tỷ đồng trở lên có sử dụng vốn nhà nước lớn. Đồng thời, rà soát, cân nhắc nâng ngưỡng sử dụng đất rừng, đất lúa theo mức tăng của tổng mức đầu tư các dự án nêu trên. Việc nâng hạn mức sẽ giúp giảm bớt số lượng dự án phải thông qua Quốc hội, do đó sẽ rút ngắn thời gian thực hiện dự án.

Ở cấp thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ: Chỉ giữ lại những dự án ảnh hưởng an ninh quốc gia, đầu tư ra biển đảo, khu vực biên giới, dự án cần cơ chế chính sách đặc thù…

+ Mở rộng thẩm quyền cho UBND tỉnh/thành phố đối với các dự án FDI hoặc trong nước không thuộc lĩnh vực nhạy cảm, không sử dụng đất rừng, đất lúa, không vượt ngưỡng vốn. Khuyến khích địa phương tự xây dựng tiêu chí phân loại và sàng lọc dự án, gắn trách nhiệm người đứng đầu.

Đồng thời, việc phân cấp cần đi đôi với đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ ở địa phương, đặc biệt về pháp lý, quy hoạch, đánh giá môi trường; tăng cường kiểm tra, giám sát, hậu kiểm từ Trung ương; Ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý và minh bạch hồ sơ đầu tư.

Bên cạnh đó, có ý kiến cho rằng cần rà soát, sửa đổi bổ sung các dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư để đồng bộ, thống nhất với pháp luật chuyên ngành như:

+ Các dự án thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư chưa quy định về các dự án có đề nghị Nhà nước giao khu vực biển theo quy định của Luật Biển Việt Nam, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, dẫn đến nhiều vướng mắc, khó khăn khi Nhà đầu tư có nhu cầu sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển đối với các dự án xây dựng cảng biển (khu vực xây dựng cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu nước trước bến; luồng hàng hải chuyên dung); triển khai các dự án điện gió (lắp dựng trụ tuabin, cáp điện); khai thác khoáng sản trên biển; dự án nuôi trồng thủy sản trên biển...

+ Luật Đầu tư năm 2020 chưa có quy định thẩm quyền chấp thuận dự án điện gió ngoài khơi thuộc Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; UBND cấp tỉnh gây khó khăn cho việc này vì nhà đầu tư không biết cơ quan nào chấp thuận chủ trương đầu tư, ảnh hưởng đến việc thu hút nguồn đầu tư quan trọng này cũng như chủ trương định hướng phát triển bền vững kinh tế biển theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

(v) Về thẩm quyền quyết định chủ trương và chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

Điều 32 Luật Đầu tư năm 2020 quy định thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc về Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. Trong khi đó, Điều 20 Luật Lâm nghiệp năm 2017, được sửa đổi tại khoản 5 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024 quy định thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc về Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trừ trường hợp thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí.

Để không xảy ra việc khi Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chủ trương dự án nhưng khi trình hồ sơ chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, theo đó dự án không triển khai được, làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, thiệt hại về chi phí thời gian của nhà đầu tư, nhà đầu tư phải thực hiện nhiều thủ tục, có ý kiến cho rằng cần nghiên cứu sửa đổi quy định tại Luật Đất đai về thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

(vi) Về chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo và xã phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển và khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh (điểm d khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư): Trên thực tế, có các dự án thuộc trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện mà không thuộc các trường hợp phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a, b, b1, c, đ, e khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư. Sau đó, nhà đầu tư nước ngoài/ Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia đấu giá, đấu thầu và được lựa chọn trúng đấu giá/ đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà đầu tư nước ngoài sau khi trúng đấu giá, đấu thầu có phải thực hiện lại thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư hay không hay chỉ cần cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư vẫn chưa được hướng dẫn cụ thể.

(vii) Về sự phối hợp của cơ quan nhà nước:

Mặc dù quy định của Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP khá rõ ràng về trách nhiệm của các cơ quan được lấy ý kiến nhưng trên thực tế, một số ý kiến của các cơ quan quản lý chuyên ngành mang tính chất quan trọng trong việc quyết định chủ trương đầu tư nhưng nội dung tham gia ý kiến còn chưa đầy đủ, chưa đúng trách nhiệm. Đồng thời, nhiều đơn vị chậm có văn bản tham gia ý kiến làm kéo dài thời gian thẩm định hồ sơ.

Bên cạnh đó, quá trình giải quyết thủ tục về đầu tư, cơ quan chuyên môn gặp khó khăn đối với những dự án quy mô lớn, thực hiện trong thời gian dài và trải qua các giai đoạn chuyển tiếp của quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản.... Việc thu hồi, đền bù, và giải phóng mặt bằng vẫn là một "điểm nghẽn" lớn, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai nhiều dự án FDI. Đây là một trong những rào cản lớn nhất, gây chậm trễ nghiêm trọng tiến độ dự án, thậm chí khiến nhiều dự án bị đình trệ, chậm tiến độ vô thời hạn.

Bên cạnh đó*,* việc tích hợp xem xét các nội dung về đánh giá tác động môi trường, điều kiện sử dụng đất, công nghệ của dự án đầu tư... ngay trong quá trình thẩm định chủ trương đầu tư cũng dẫn đến xung đột về thẩm quyền, thủ tục xem xét các nội dung này theo quy định tại các Luật khác nhau và làm kéo dài thời gian thực hiện thủ tục.

***2.2.5. Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về việc cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư***

Theo quy định tại Điều 37 Luật Đầu tư, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài và dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này. Đây là thủ tục được áp dụng chủ yếu nhằm kiểm soát hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư thông qua việc xem xét các điều kiện về tiếp cận thị trường, kiểm soát việc đầu tư vào các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch…

Trong thời gian qua, việc thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư phát sinh một số vướng mắc như sau:

- Liên quan đến việc xác định sự phù hợp của dự án đầu tư đối với quy hoạch: hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể thế nào là sự phù hợp với quy hoạch, đặc biệt đối với các dự án của nhà đầu tư nước ngoài thuê địa điểm kinh doanh để thực hiện các dự án nhỏ trung tâm ngoại ngữ, trung tâm thể thao…

- Về suất đầu tư: trên thực tế khi tiến hành thủ tục đầu tư, tại một số tỉnh, thành, nhà đầu tư vẫn còn gặp vướng mắc liên quan đến quy định về suất đầu tư. Đây cũng là vướng mắc chung của nhiều nhà đầu tư nước ngoài hiện đang gặp phải, cần sớm được cơ quan chức năng tháo gỡ.

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 38 Luật Đầu tư, đối với các dự án đầu tư không thuộc diện phải xin chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện, trong đó bao gồm ***đáp ứng điều kiện về suất đầu tư trên một diện tích đất, số lượng lao động sử dụng (nếu có).***

Nhìn chung, các điều kiện trên không quá khác biệt so với quy định của Luật Đầu tư 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Duy chỉ có điều kiện về việc đáp ứng điều kiện về suất đầu tư trên một diện tích đất (“suất đầu tư”) là một quy định mới mà nhà đầu tư cần phải bảo đảm.

Suất đầu tư được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 36 Nghị định 31/2021/NĐ-CP. Theo đó, suất đầu tư trên một diện tích đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương và được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Việc chưa có hướng dẫn áp dụng quy định này gây lúng túng trong áp dụng thực tế tại địa phương.

- Về nội dung điều chỉnh: Nhiều ý kiến cho rằng nhiều điều chỉnh nhỏ như thay đổi tên nhà đầu tư, tên dự án, cập nhật lại địa điểm đầu tư, ngành nghề phụ... vẫn phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, gây mất thời gian cho nhà đầu tư và cơ quan quản lý. Do đó cần quy định rõ các trường hợp phải điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tương tự như đối với quy định về điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, các nội dung này hiện nay đã được lược bỏ tại Luật Đầu tư và giao Chính phủ quy định chi tiết. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung các nội dung này tại dự thảo Nghị định của Chính phủ.

***2.2.6. Về đầu tư ra nước ngoài***

Hiện nay, việc doanh nghiệp tại Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đang dần trở thành một xu hướng phổ biến nhằm chủ động hơn vào chuỗi sản xuất toàn cầu và là cách thức quan trọng để nhập khẩu công nghệ, phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng… đem lại nhiều lợi ích về mở rộng thị trường, tăng doanh thu, tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh, tiếp cận công nghệ tiên tiến và trình độ quản trị hiện đại, đa dạng hóa hoạt động đầu tư, phân tán rủi ro, nâng tầm vị thế và uy tín thương hiệu Việt và tạo nền tảng vững chắc cho hợp tác quốc tế. Trong đó, các thủ tục đầu tư ra nước ngoài (gồm: thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) đã được triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất trong cả nước, đem lại nhiều mặt tích cực cho cả nhà nước và nhà đầu tư, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng nhưng vẫn cần giữ ổn định tài chính vĩ mô, bảo vệ cán cân thanh toán, dự trữ ngoại hối quốc gia và ổn định tỷ giá.

Bên cạnh những mặt tích cực, các thủ tục đầu tư ra nước ngoài đã phát sinh một số bất cập trong quá trình quản lý của cơ quan nhà nước cũng như thực hiện của nhà đầu tư, cụ thể:

Một là, qua quá trình tổng kết, tính đến hết tháng 06 năm 2025, Việt Nam đã có 1.916 dự án đầu tư ra nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư Việt Nam hơn 23 tỷ USD. Trong đó, theo thống kê đa phần là dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 20 tỷ đồng, chiếm tới 67,4% tổng số dự án nhưng có tỷ lệ nhỏ về vốn (khoảng 1,7% tổng số vốn ĐTRNN); số dự án có vốn đầu tư trên 20 tỷ đồng là khoảng 28% tổng số dự án nhưng chiếm phần đa về vốn (khoảng 98,3% tổng vốn ĐTRNN); số còn lại là các dự án nhỏ dưới 1,2 tỷ đồng (tương đương 50.000 USD). Những dự án này đều thuộc diện chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Ngoài ra, đến nay chưa ghi nhận có dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội.

Hai là, về cơ bản, nhà đầu tư sử dụng vốn tư nhân của mình để thực hiện đầu tư ra nước ngoài và tuân thủ các quy định pháp luật tại nước sở tại. Tuy nhiên, cơ quan nhà nước Việt Nam lại phê duyệt nhiều nội dung về dự án về “hình thức, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, vốn đầu tư ra nước ngoài, nguồn vốn” là chưa thật sự hợp lý, ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, nhà đầu tư; chưa phân định rõ nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật Việt Nam và những nội dung thuộc thẩm quyền điều chỉnh của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

Ba là, về bản chất, mục đích cuối cùng của nhà đầu tư là được chuyển tiền ra nước ngoài (giao dịch ngoại hối) để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại nước ngoài. Bên cạnh đó, các thủ tục đầu tư ra nước ngoài này khó ràng buộc trách nhiệm của nhà đầu tư sau khi nhà đầu tư đã thực hiện xong việc chuyển tiền ra nước ngoài. Ngoài ra, việc tiếp tục duy trì cơ chế quản lý đầu tư ra nước ngoài như hiện tại không còn phù hợp vì làm cản trở, hạn chế việc nắm bắt cơ hội đầu tư ở nước ngoài của nhà đầu tư.

Thực tiễn cho thấy nhiều nước trên thế giới chỉ thực hiện chế độ kiểm soát dòng tiền chuyển ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư và có chính sách cấm hoặc hạn chế chuyển tiền ra nước ngoài trong một số trường hợp nhất định để đảm bảo cân đối vĩ mô cũng như tính hợp pháp của nguồn tiền, mà không quản lý toàn bộ hoạt động đầu tư ở nước ngoài bởi những hoạt động này được thực hiện tại nước tiếp nhận đầu tư và phải tuân thủ pháp luật của nước đó.

Hiện nay chỉ còn Việt Nam, Lào còn cấp GCNĐK ĐTRNN; Trung Quốc có cấp GCNĐK ĐTRNN nhưng nới lỏng, chỉ quản lý các dự án lớn và một số lĩnh vực. Các quốc gia khác đã chuyển sang cơ chế nhà đầu tư kê khai, đăng ký vốn đầu tư chuyển ra nước ngoài với hệ thống ngân hàng khi thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh ở nước ngoài.

Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng việc bãi bỏ ngay các thủ tục đầu tư ra nước ngoài thì thiếu cơ chế kiểm soát chặt chẽ đối với hoạt động này.

Do đó, việc cân nhắc sửa đổi quy định về đầu tư ra nước ngoài tại Luật Đầu tư và đồng thời có hướng quản lý thay thế là cần thiết nhằm quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhu cầu quản lý của nhà nước và quyền tự do đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư.

Từ thực tế quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài thời gian qua, việc xem xét hoàn thiện quy định về quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhu cầu quản lý của nhà nước và quyền tự do đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư là cần thiết.

***2.2.7. Đánh giá kết quả thực hiện quy định về điều chỉnh dự án đầu tư***

Nhìn chung, việc thực hiện các quy định về điều chỉnh dự án đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2020 và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP được chấp hành nghiêm túc và đã đạt được nhiều kết quả thuận lợi. Tuy vậy, quá trình áp dụng các quy định của pháp luật đã gặp vướng mắc như:

- Thời gian qua, việc chấp hành đề xuất điều chỉnh dự án thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư của một số Nhà đầu tư chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân xuất phát từ trình độ am hiểu phát luật của một số doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ còn hạn chế; công tác rà soát, giám sát đánh giá đầu tư đôi khi còn chậm, do lĩnh vực này chưa đảm bảo số lượng công chức phụ trách thực hiện. Bên cạnh đó, việc xem xét, điều chỉnh thời hạn thực hiện dự án đối với các dự án đã hết thời hạn thực hiện còn gặp một số khó khăn nhất định, do thời gian trước đây các dự án thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành nên việc rà soát, điều chỉnh của Nhà đầu tư và cơ quan nhà nước còn thiếu chặt chẽ, nên thời gian đề xuất điều chỉnh chậm hơn rất nhiều so với thời hạn thực tế sử dụng của dự án.

- Các dự án chuyển tiếp đã được quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2014 hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2005… gặp khó khăn trong việc điều chỉnh dự án đầu tư như:

Các dự án thường có quá trình chuẩn bị đầu tư kéo dài, thuộc nhiều loại hình dự án (nhà ở, dịch vụ thương mại, trường học, bệnh viện…); trải qua nhiều giai đoạn quy định pháp luật khác nhau; nhiều dự án thay đổi mục tiêu đầu tư, loại hình dự án (chuyển từ nhà ở tái định cư sang nhà ở thương mại; chuyển từ dự án sản xuất kinh doanh sang nhà ở…); nhiều dự án trước đây thuộc địa bàn tỉnh khác, nhiều dự án có nguồn gốc đất của doanh nghiệp nhà nước, không đầy đủ hồ sơ, tài liệu. Kết quả rà soát thường dừng lại ở việc nêu quá trình thực hiện chuẩn bị đầu tư, quy định pháp luật ở từng thời kỳ, không thể khẳng định chắn chắn sự phù hợp quy định pháp luật giai đoạn trước đây để làm cơ sở quyết định điều chỉnh dự án đầu tư, thực hiện thủ tục về đất đai theo quy định pháp luật hiện hành.

- Luật Đầu tư và Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án không quá 24 tháng kể từ ngày 01/01/2021 (nếu thời điểm kết thúc tiến độ thực hiện dự án đầu tư cuối cùng tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư đã cấp trước ngày 01/01/2021) hoặc không quá 24 tháng kể từ thời điểm kết thúc tiến độ thực hiện dự án đầu tư cuối cùng tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận đầu tư (nếu thời điểm kết thúc tiến độ thực hiện dự án đầu tư cuối cùng tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận đầu tư đã cấp sau ngày 01/01/2021) trừ các trường hợp bất khả kháng. Trên thực tế, nhiều dự án đã hoàn thành xong phần lớn các hạng mục đầu tư, hết tiến độ thực hiện nhưng không có nguyên nhân bất khả kháng và không thuộc trường hợp chấp dứt dự án đầu tư theo quy định. Việc điều chỉnh tiến độ để nhà đầu tư hoàn thiện nốt phần hạng mục công trình còn lại là cần thiết và đảm bảo hài hòa lợi ích của người dân đã mua nhà tại dự án, tuy nhiên không phù hợp với quy định nêu trên của Luật Đầu tư. Vì vậy, cần nghiên cứu, bổ sung quy định cho phép điều chỉnh tiến độ thực hiện quá 24 tháng đối với trường hợp các dự án đầu tư đã triển khai thi công xây dựng công trình như nêu trên.

- Điều 41 Luật Đầu tư đã quy định về các trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư. Tuy nhiên, một số quy định còn chung chung (ví dụ, quy định về “thay đổi mục tiêu của dự án” tại khoản 3, 4 Điều 41 Luật Đầu tư) mang tính định tính, có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau và rủi ro pháp lý, hoặc chưa có cơ chế phân biệt rõ điều chỉnh nhỏ và điều chỉnh lớn dẫn đến việc áp dụng thủ tục hành chính tương đối đồng đều cho mọi loại điều chỉnh, gây gánh nặng cho nhà đầu tư.

- Thời hạn dự án đầu tư tại khu công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Đầu tư. Thời hạn sử dụng đất tại Khu công nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 202 Luật Đất đai. Căn cứ quy định nêu trên, pháp luật hiện hành không quy định thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp không được vượt quá thời hạn sử dụng đất của khu công nghiệp (thời hạn hoạt động còn lại của khu công nghiệp theo quyết định đã phê duyệt). Do đó, trong trường hợp, nhà đầu tư có dự án đầu tư vào khu công nghiệp đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có thời hạn hoạt động dự án dài hơn thời hạn còn lại của khu công nghiệp (nhưng không vượt quá 50 năm theo quy định hiện hành). Trường hợp được xem xét cấp, trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, pháp luật chưa quy định rõ có cần ghi nhận thời hạn hoạt động của dự án tại khu công nghiệp bằng với thời điểm kết thúc hoạt động của khu công nghiệp đó không.

***2.2.8. Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về việc bảo đảm thực hiện dự án đầu tư***

Việc tổ chức thực hiện bảo đảm dự án trong thời gian qua được triển khai chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật; đồng thời, sau khi bổ sung hình thức Nhà đầu tư nộp chứng thư bảo lãnh đã phần nào hạn chế áp lực đối với sử dụng tiền mặt để ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng có những khó khăn nhất định, cụ thể:

- Tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được giảm số tiền đảm bảo thực hiện dự án đầu tư (25% hoặc 50% tương ứng với từng địa bàn); chưa quy định phương pháp xác định giảm tiền bảo đảm thực hiện dự án đối với trường hợp khu đất thực hiện dự án đầu tư đồng thời thuộc tại 02 địa bàn: (i) Có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, (ii) không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Mặt khác, trường hợp nhà đầu tư đã bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (bằng hình thức nộp tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ) và đã được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án. Sau đó, dự án được điều chỉnh tăng vốn đầu tư và thuộc trường hợp phải ký quỹ hoặc bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ bổ sung đối với phần vốn tăng thêm theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

Tuy nhiên, Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ không quy định chế tài xử lý đối với trường hợp nhà đầu tư không nộp tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ bổ sung (trường hợp chưa được Nhà nước cho thuê đất thì nhà đầu tư bắt buộc phải bảo đảm thực hiện dự án để làm cơ sở lập, nộp hồ sơ xin thuê đất); chưa quy định quy trình thu, nộp ngân sách nhà nước đối với khoản ký quỹ thuộc trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Điểm d khoản 1 Điều 43 Luật Đầu tư năm 2020 quy định: Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất khác thì không phải thực hiện thủ tục ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư. Tuy nhiên, chưa quy định trường hợp giá trị nhận chuyển nhượng tài sản nhỏ hơn số tiền ký quỹ nhà đầu tư phải nộp hoặc phải có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ thì nhà đầu tư có phải nộp hoặc bảo lãnh phần chênh lệch giữa số tiền ký quỹ với giá trị nhận chuyển nhượng tài sản.

- Về thời điểm ký quỹ: Căn cứ khoản 5 Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, nhà đầu tư phải thực hiện ký quỹ “sau khi” được cấp phép đầu tư. Tuy nhiên, chưa quy định rõ khoảng thời gian mà Nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục này.

Hiện nay, thời điểm ký quỹ chỉ được quy định cụ thể đối với thủ tục đầu tư đặc biệt, theo khoản 1 Điều 4 Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt “Nhà đầu tư thực hiện ký quỹ hoặc nộp cam kết bảo lãnh của tổ chức tín dụng về nghĩa vụ kỳ quỹ sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp khi đất thực hiện dự án đã được Nhà nước bối thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất”.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 77 Luật Đầu tư 2020: Dự án đầu tư đã thực hiện hoặc được chấp thuận, cho phép thực hiện theo quy định của pháp luật trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 mà thuộc diện bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật này thì không phải ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ. Trường hợp nhà đầu tư điều chỉnh mục tiêu, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, chuyển mục đích sử dụng đất sau khi Luật này có hiệu lực thì phải thực hiện ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ theo quy định của Luật này. Tuy nhiên, việc xem xét nội dung nghĩa vụ ký quỹ còn chưa thống nhất trong quá trình thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án do nội dung này không có trong quy định tại tại khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư 2020 và khoản 6 Điều 31 Nghị định 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Đồng thời, việc điều chỉnh thoả thuận ký quỹ, việc hoàn trả ký quỹ và việc nộp Ngân sách Nhà nước trong trường hợp Nhà đầu tư không được hoàn trả tiền ký quỹ còn vướng mắc trong triển khai thực hiện (ví dụ: trường hợp dự án đã phê duyệt từ lâu nhưng đến nay chỉ điều chỉnh tiến độ thực hiện, không điều chỉnh vốn đầu tư do không thay đổi quy mô đầu tư; trường hợp thời điểm nhà đầu tư hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng chậm hơn tiến độ hoàn thành công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt,...).

***2.2.9. Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về chấm dứt hoạt động dự án đầu tư***

Việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư được quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư, các Điều từ 57 đến 60 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Để giải quyết tình trạng các dự án chậm tiến độ nhiều năm ppp nhà đầu tư chưa triển khai thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất hoặc không phối hợp trong việc thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để hoàn thành thủ tục đất đai, dẫn đến tình trạng “dự án treo”, dự án chậm tiến độ nhiều năm so với tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư… Luật 57/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung Điều 48 để quy định việc cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoặc chấm dứt một phần hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp *sau 24 tháng kể từ thời điểm kết thúc tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư hoặc mục tiêu hoạt động của từng giai đoạn (nếu có) quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh mà nhà đầu tư vẫn không hoàn thành mục tiêu hoạt động này và không thuộc trường hợp được điều chỉnh tiến độ theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.*

Quy định này đã tạo ra cơ sở pháp lý quan trong, góp phần giải quyết tình trạng nhiều dự án không triển khai thực hiện trong nhiều năm, giải phóng nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội…

Tuy nhiên, việc thực hiện công tác thu hồi các dự án và chấm dứt hoạt động dự án đầu tư còn gặp một số khó khăn nhất định; trong đó, một số quy định về trình tự thu hồi dự án còn phức tạp, phải thực hiện nhiều bước nên thời gian tổ chức thực hiện dài; trong khi các dự án trên thực tế không thể tiếp tục triển khai thực hiện và Nhà đầu tư đã mất khả năng thực hiện dự án.

Việc xem xét các điều kiện thực hiện chuyển tiếp dự án theo quy định hiện hành có nhiều khó khăn do nhiều dự án không có đầy đủ hồ sơ, tài liệu nên việc rà soát dự án không thể khẳng định chắn chắn sự phù hợp quy định pháp luật giai đoạn trước đây để làm cơ sở quyết định điều chỉnh dự án đầu tư hay chấm dứt dự án đầu tư. Vì vậy, đề nghị cần cụ thể hóa các trường hợp nhà đầu tư không có khả năng tiếp tục thực hiện dự án để có cơ sở đánh giá và xử lý, tránh tình trạng dự án "treo".

Bên cạnh đó, Khoản 2, Điều 48, Luật đầu tư 2020 quy định: Cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoặc chấm dứt một phần hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp sau, theo điểm e. *“Nhà đầu tự thực hiện hoạt động đầu tư trên cơ sở giao dịch dân sự giả tạo về pháp luật về dân sự”.* Tuy nhiên, chế tài xử lý chưa đủ mạnh để bảo đảm đối tượng vi phạm không vi phạm, tái phạm. Hiên này, thủ tục đăng ký, thành lập doanh nghiệp rất thông thoáng, tiện lợi cho người dân, doanh nghiệp; nhưng cũng làm tăng khả năng hoạt động đầu tư “chui”, đầu tư “núp bóng”, nhiều nhà đầu tư sẵn sàng chấp nhận việc xử lý vi phạm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp tục hoạt động.

Ngoài ra, các cơ quan đăng ký đầu tư gặp khó khăn trong việc giải quyết việc chấm dứt hoạt động dự án đối với các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp FDI nói riêng trong trường hợp doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể hoặc đã giải thể nhưng chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Từ những tổng kết, đánh giá và phân tích về bối cảnh, cũng như kết quả đạt được trong quản lý hoạt động đầu tư, cùng với những khó khăn, hạn chế trong thực tiễn triển khai, có thể thấy qua gần 05 năm thực hiện, hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư về cơ bản đã đáp ứng được thực trạng quản lý thời gian vừa qua, đồng thời mang lại nhiều kết quả tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh, góp phần đưa môi trường đầu tư của Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN, việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật Đầu tư là yêu cầu cấp thiết.

Một số đề xuất, kiến nghị dự kiến đề xuất trong dự thảo Luật như sau:

1. Hoàn thiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo hướng:

- Luật chỉ quy định nguyên tắc xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

- Giao Chính phủ quy định Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

- Quy định nguyên tắc các Luật chuyên ngành không được quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, chỉ được quy định tại Luật Đầu tư hoặc Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư để đảm bảo thực hiện thống nhất quy định về hạn chế quyền kinh doanh của nhà đầu tư.

- Rà soát, đề xuất bãi bỏ các ngành, nghề không cần thiết, không hợp lý, gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, bãi bỏ các ngành, nghề và/hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh có thể quản lý bằng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật như: *Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa; Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển; Kinh doanh dịch vụ kế toán;…*

2. Hoàn thiện quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo hướng:

a) Về ngành, nghề ưu đãi đầu tư

- Quy định nguyên tắc thu hút đầu tư vào những ngành, nghề trọng tâm, trọng điểm, nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, gồm một số ngành, nghề thuộc lĩnh vực nhằm *phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp; bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng, các dự án quan trọng, có quy mô lớn; phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục, thể thao và văn hóa dân tộc; phát triển ngành, nghề truyền thống; sử dụng nhiều lao động, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế số*…

- Quy định nguyên tắc ngành, nghề ưu đãi đầu tư phải được quy định tại pháp luật về đầu tư (không quy định tại các Luật chuyên ngành) để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

- Giao Chính phủ quy định chi tiết Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư. Ngành, nghề ưu đãi đầu tư cần gắn với mã ngành kinh tế quốc dân để tạo thuận lợi trong quá trình xác định đối tượng ưu đãi đầu tư.

b) Về địa bàn ưu đãi đầu tư

- Quy định nguyên tắc thu hút đầu tư vào các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; địa bàn có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế; thu hút đầu tư các vùng trọng điểm cần ưu tiên thu hút đầu tư xanh, chuyển đổi năng lượng, phát triển công nghệ cao; thu hút đầu tư theo tiêu chí địa bàn có gắn với ngành, lĩnh vực cụ thể để phản ánh tiềm năng, thế mạnh và lợi thế thu hút đầu tư của từng địa phương trong từng ngành, lĩnh vực đó, tạo điều kiện cho việc thu hút nguồn lực đầu tư cho liên kết và phát triển vùng.

- Quy định tiêu chí để phân loại, xác định địa bàn khó khăn, địa bàn đặc biệt khó khăn (dựa trên các chỉ tiêu như GRDP, cơ sở hạ tầng, tỷ lệ hô nghèo, vị trí địa lý…); nguyên tắc áp dụng, sửa đổi, bổ sung Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư để tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung Danh mục này; kiểm soát việc đáp ứng các tiêu chí địa bàn ưu đãi đầu tư để xem xét điều chỉnh, bổ sung Danh mục.

- Giao Chính phủ quy định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.

c) Về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt

- Quy định nguyên tắc xác định đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo hướng tập trung vào các dự án lớn, nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược, gắn với quy mô vốn đầu tư và tiến độ giải ngân có tính đến đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

- Giao Chính phủ quy định cụ thể quy mô vốn đầu tư và tiến độ giải ngân của dự án thuộc đối tượng ưu đãi đầu tư đặc biệt phù hợp với tính chất đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

- Bổ sung quy định cho phép Chính phủ đàm phán các chính sách ưu đãi đầu tư vượt trội để thu hút nhà đầu tư chiến lược trong các trường hợp đặc biệt.

3. Đơn giản hoá thủ tục đầu tư kinh doanh, tiếp tục tăng cường phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo hướng:

- Quy định việc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, dự án ảnh hưởng đến quốc phòng an ninh, dự án có sử dụng tài nguyên (nguồn lực) của đất nước như đất, rừng, biển, khoáng sản…, dự án đầu tư lớn, trong các lĩnh vực quan trọng như cảng biển, sân bay…

- Đơn giản hoá việc thực hiện thủ tục này nhằm giải quyết, khắc phục những vấn đề vướng mắc, tồn tại của thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư hiện nay, thúc đẩy nhanh quá trình thực hiện thủ tục này, khơi thông nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế xã hội theo hướng:

+ Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền chấp thuân chủ trương đầu tư, thu hẹp diện dự án phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư. Theo đó:

++ Quốc hội chỉ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án có yêu cầu áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định. Đối với các dự án còn lại thuộc thẩm quyền CTCTĐT của Quốc hội, thực hiện phân cấp thẩm quyền cho Thủ tướng chính phủ, bao gồm: *Dự án đầu tư có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 50 ha trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển từ 500 ha trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 ha trở lên; Dự án đầu tư có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô từ 500 ha trở lên; Dự án đầu tư có yêu cầu di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở vùng khác*;

++ Tiếp tục phân quyền CTCTĐT của Thủ tướng Chính phủ cho UBND cấp tỉnh đối với các dự án: *Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực trồng rừng; Dự án đầu tư có kinh doanh đặt cược, ca-si-nô (casino), trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài; Dự án điện gió ngoài khơi theo quy định của pháp luật về điện lực.*

+ Thu hẹp diện dự án phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh theo hướng quy định UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án sau:

++ Dự án có sử dụng tài nguyên (nguồn lực) của đất nước như đất, rừng, biển, khoáng sản (trừ các dự án đã được công bố để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư). *Theo đó, các dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị, nhà ở xã hội, dự án thực hiện thủ tục xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật đấu thầu và pháp luật chuyên ngành như dự án chợ, xây dựng công trình cấp nước, xây dựng công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt… không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư.*

++ Dự án sử dụng đất, khu vực biển tại tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

++ Dự án có quy mô lớn, quan trọng như cảng biển, sân bay, điện, khu công nghiệp,…

+ Lược bỏ, đơn giản hoá một số nội dung thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư có phạm vi rộng, trùng lặp với nội dung thẩm định ở các bước triển khai thực hiện dự án hoặc không thực sự cần thiết phải xem xét ngay ở giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư như *nội dung thẩm định liên quan đến công nghệ, nhà ở tiến độ*…; xác định nội dung *đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan trực tiếp đến đề xuất thực hiện dự án (như quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh…)* nhằm đơn giản hoá nội dung thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Bổ sung quy định về hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp chỉ định nhà đầu tư hoặc lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Cho phép nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế mà không yêu cầu phải có dự án đầu tư hoặc thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

4. Hoàn thiện quy định về triển khai thực hiện dự án đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn liên quan đến việc triển khai, thực hiện dự án đầu tư theo hướng:

- Về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án:

Tiếp tục kế thừa các quy định tại Luật Đầu tư 2020, rà soát thu hẹp trường hợp thực hiện ký quỹ (như dự án có chuyển mục đích sử dụng đất); hoàn thiện các quy định về hoàn trả, điều chỉnh, chấm dứt nghĩa vụ ký quỹ tại Nghị định hướng dẫn thi hành.

- Về thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư

+ Xác định cụ thể thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư áp dụng đối với dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư và dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư qua các thời kỳ để thực hiện thống nhất thay vì chỉ thực hiện thủ tục chuyển nhượng đối với dự án đầu tư mà nhà đầu tư được chấp thuận theo quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư như quy định hiện hành.

+ Phân định thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư và chuyển nhượng tài sản của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về dân sự.

- Bổ sung quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị giải thể, phá sản.

- Lược bỏ bớt nội dung nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Bổ sung các quy định chuyển tiếp trong việc thực hiện thủ tục ngừng, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

5. Quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhu cầu quản lý của nhà nước và quyền tự do đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư theo hướng:

- Bãi bỏ thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền của Quốc hội và của Thủ tướng Chính phủ;

- Bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính.

- Chuyển sang cơ chế nhà đầu tư đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để chuyển tiền ra nước ngoài.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Chính phủ;  - Lưu: VT, PC. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG** |